

Nhãn hộp Lucikvin kích thước(145 x 60 x 30)mm





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
Số 77 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc
Tel: 02113. 861.233 - Fax: 02113. 862.774
Nhà máy sản xuất Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc

Rx
THUỐC BAN THEO ĐƠN

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg

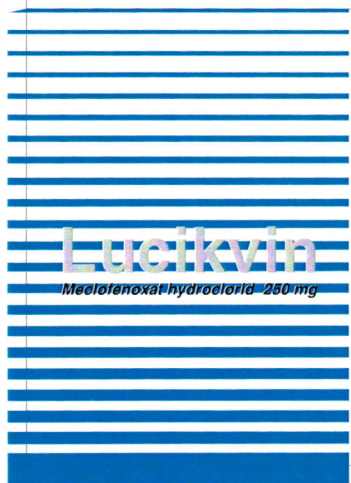


VIÊN NÉN BAO PHIM

Hộp 6 vỉ x 10 viên nén

SDK:
Số lô SX:
NSX:
HD:

*"Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"*

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg



Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg

Công thức:
Meclofenoxat hydroclorid.....250 mg
Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định:
Lão hóa não, xơ vữa động mạch, rối loạn thần kinh.
Suy thoái và mệt mỏi tinh thần, không có khả năng tập trung, rối loạn trí nhớ, suy giảm trí tuệ và thay đổi hành vi.
Liệt mặt và chân, rối loạn thị giác, chóng mặt, ù tai, động kinh và cảm giác mất ngôn ngữ.

Liều dùng, cách dùng:
Ngày uống 4 viên, 2 viên buổi sáng, 2 viên buổi trưa, dùng trong ít nhất 1 tháng hoặc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

Chống chỉ định, thận trọng, tác dụng không mong muốn, các thông tin khác:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS



Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg

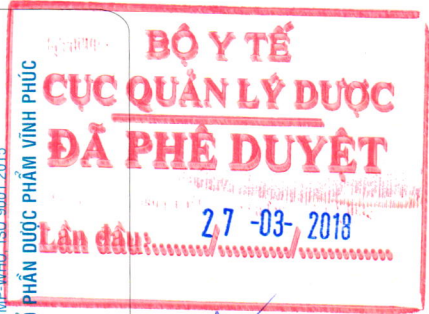
Nhãn vỉ Lucikvin kích thước (60 x 127)mm
Số lô SX, hạn dùng được dập trực tiếp trên vỉ.

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg
GMP-WHO, ISO 9001:2015
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg
GMP-WHO, ISO 9001:2015
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg
GMP-WHO, ISO 9001:2015
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC

Lucikvin
Meclofenoxat hydroclorid 250 mg
GMP-WHO, ISO 9001:2015
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC



Nội dung tờ hướng dẫn sử dụng thuốc Lucikvin cho cán bộ y tế

Tên thuốc:

LUCIKVIN

Thành phần cấu tạo của thuốc:

Cho 01 viên nén bao phim.

Dược chất: Meclofenoxat hydroclorid.....250 mg

Tá dược: Calci hydrophosphat, Avicel PH 101, aerosil, magnesi stearat, HPMC E15, HPMC E6, ethylcellulose, PEG 6000, TiO₂, talc vđ 1 viên

Dạng bào chế: Viên nén bao phim

Quy cách đóng gói:

Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Dược lực học:

Mã ATC: N06BX01

Meclofenoxat có đặc tính chống giảm oxy mô dù sự giảm oxy mô bị gây ra là do thiếu cung cấp hoặc do khiếm khuyết sử dụng oxy. Meclofenoxat cải thiện sự tách lọc và sử dụng glucose của tế bào não. Điều này cho phép duy trì cung cấp năng lượng cho tế bào thần kinh ngay cả trong trường hợp lão hoá hoặc thiếu hụt oxy, nhờ vào sự kích thích sử dụng glucose hiếu khí hoặc nhờ vào sự bổ sung bằng cách sử dụng glucose kỵ khí. Sự kích hoạt chuyển hóa này đi kèm với tình trạng giãn mạch máu não, tác động chủ yếu đến chất xám ở não người.

Meclofenoxat chống lại sự lắng đọng sắc tố già trong tế bào não. Thuốc có thể tác động được trên tế bào não vì thuốc thấm qua hàng rào máu - não.

Dược động học:

Chưa có thông tin.

Chỉ định:

Lão hóa não, xơ vữa động mạch, rối loạn thần kinh.

Suy thoái và mệt mỏi tinh thần, không có khả năng tập trung, rối loạn trí nhớ, suy giảm trí tuệ và thay đổi hành vi.

Liệt mặt và chân, rối loạn thị giác, chóng mặt, ù tai, động kinh và cảm giác mất ngôn ngữ.

Liều dùng - cách dùng:

Ngày uống 4 viên, 2 viên buổi sáng, 2 viên buổi trưa, dùng trong ít nhất 1 tháng hoặc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

Chống chỉ định:

Mẫn cảm với meclofenoxat hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

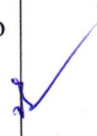
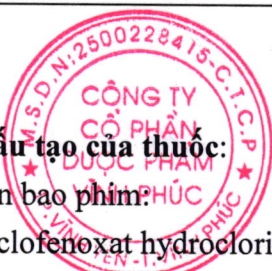
Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc:

Các vận động viên chú ý: Meclofenoxat hydroclorid có thể gây ra phản ứng dương tính đối với các xét nghiệm kiểm tra thuốc kích thích.

Phụ nữ có thai:

Để phòng ngừa, nên cân nhắc lợi ích của thuốc và hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi dùng thuốc cho phụ nữ có thai.

Phụ nữ cho con bú:



Để phòng ngừa, nên cân nhắc lợi ích của thuốc và hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi dùng thuốc cho phụ nữ cho con bú.

Người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác:

Không ảnh hưởng.

Tương tác thuốc:

Không được dùng cùng các thuốc có chứa citicolin.

Tác dụng không mong muốn (ADR):

Hiếm gặp: Phản ứng dị ứng.

“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

Quá liều và cách xử trí:

Chưa có báo cáo.

Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo:

“Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ”

“ĐỂ xa tầm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30⁰C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233

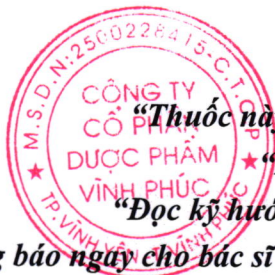
Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: Ngày/tháng/năm

Nội dung tờ hướng dẫn sử dụng thuốc Lucikvin cho người bệnh

Tên thuốc:



LUCIKVIN

“Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ”

“Để xa tầm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

Thành phần, hàm lượng của thuốc

Cho 01 viên nén bao phim:

Dược chất: Meclofenoxat hydroclorid.....250 mg

Tá dược: Calci hydrophosphat, Avicel PH 101, aerosil, maggesi stearat, HPMC E15,

HPMC E6, ethylcellulose, PEG 6000, TiO₂, talc vđ 1 viên

Mô tả sản phẩm

Dạng bào chế: Viên nén bao phim

Hình thức: Viên nén bao phim, hình trụ, màu trắng, hai mặt nhẵn, cạnh và thành viên lành lặn.

Quy cách đóng gói

Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Thuốc dùng cho bệnh gì

Lão hóa não, xơ vữa động mạch, rối loạn thần kinh.

Suy thoái và mệt mỏi tinh thần, không có khả năng tập trung, rối loạn trí nhớ, suy giảm trí tuệ và thay đổi hành vi.

Liệt mặt và chân, rối loạn thị giác, chóng mặt, ù tai, động kinh và cảm giác mất ngôn ngữ.

Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng

Ngày uống 4 viên, 2 viên buổi sáng, 2 viên buổi trưa, dùng trong ít nhất 1 tháng hoặc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

Khi nào không nên dùng thuốc này

Mẫn cảm với meclofenoxat hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tác dụng không mong muốn (ADR)

Hiếm gặp: Phản ứng dị ứng.

Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này

Không được dùng cùng các thuốc có chứa citicolin.

Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc

Khi quên dùng thuốc, liều tiếp theo được dùng như trong chỉ định. Không dùng tăng liều khi quên dùng thuốc.

Cần bảo quản thuốc này như thế nào

Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30⁰C, tránh ánh sáng.

Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều

Chưa có báo cáo.

Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo

Chưa có báo cáo.

Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này

Các vận động viên chú ý: Meclofenoxat hydroclorid có thể gây ra phản ứng dương tính đối với các xét nghiệm kiểm tra thuốc kích thích.

Phụ nữ có thai:

Để phòng ngừa, nên cân nhắc lợi ích của thuốc và hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi dùng thuốc cho phụ nữ có thai.

Phụ nữ cho con bú:

Để phòng ngừa, nên cân nhắc lợi ích của thuốc và hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi dùng thuốc cho phụ nữ cho con bú.

Người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác:

Không ảnh hưởng.

Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ

Khi gặp các tác dụng không mong muốn của thuốc, cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ.

“Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ”

Hạn dùng của thuốc

36 tháng kể từ ngày sản xuất

Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: Ngày/tháng/năm



TU QU CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu Thủy



Handwritten mark or signature at the bottom right.